

NGHỊ QUYẾT

**Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;*

*Xét Tờ trình số 2676/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Lai Châu về phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi
trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 446/BC-HĐND ngày 07
tháng 12 năm 2020 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa
bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước
bảo đảm (bao gồm các nhiệm vụ, dự án, đề tài, chương trình bảo vệ môi
trường) từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Các nội dung chi bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí khác không
thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

c) Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy định được dẫn chiếu áp
dụng Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm
pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản mới.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (cấp xã).

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường; hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh.

d) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do các cơ quan, đơn vị tỉnh quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ); xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của tỉnh.

đ) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh.

e) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

g) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án).

h) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo khoản 1 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện

các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (không bao gồm công tác lập, thẩm định và điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học).

i) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

k) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

l) Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

m) Hỗ trợ chủ đầu tư dự án xây dựng công trình bảo vệ môi trường để thực hiện dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý, giảm thiểu, tái chế chất thải trên địa bàn tỉnh.

n) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

o) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

p) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường.

q) Hỗ trợ vốn điều lệ cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

r) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của tỉnh.

4. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

a) Xây dựng chương trình kế hoạch bảo vệ môi trường; tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện.

b) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện; chi khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

c) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn cấp huyện.

d) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ thuộc địa bàn cấp huyện.

đ) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bán quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án). Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường trên địa bàn cấp huyện.

g) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do cấp huyện quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển trên địa bàn cấp huyện.

h) Hỗ trợ chủ đầu tư dự án xây dựng công trình bảo vệ môi trường để thực hiện dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý, giảm thiểu, tái chế chất thải trên địa bàn cấp huyện.

i) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế).

k) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn cấp huyện quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 160/2014 ngày 29/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

l) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

m) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện.

n) Hoạt động của Ban Chỉ đạo bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

o) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

5. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường; tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã.

b) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã; khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

c) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

d) Hỗ trợ công tác thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường của cấp xã.

đ) Quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng theo quy định các dự án, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn được cấp có thẩm quyền giao.

e) Hỗ trợ công tác kiểm soát môi trường và các nguồn ô nhiễm môi trường; ứng phó, khắc phục sự cố môi trường do thiên tai gây ra hoặc chưa xác định rõ nguyên nhân trên địa bàn cấp xã.

g) Hỗ trợ chủ đầu tư dự án xây dựng công trình bảo vệ môi trường để thực hiện dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý, giảm thiểu, tái chế chất thải trên địa bàn cấp xã.

h) Hỗ trợ công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

i) Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường trên địa bàn cấp xã (hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị xã hội) theo thẩm quyền.

k) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp xã.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, kỳ họp thứ mười lăm thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ

